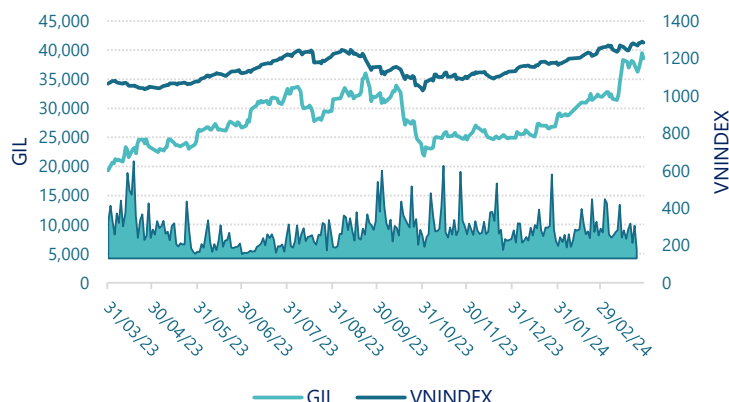


CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (HSX: GIL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	38,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,300
SL cổ phiếu LH	69,999,286
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,543,250
% sở hữu nước ngoài	2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,698
P/E	38.0
EPS	1,015

DT thuần

Q1/24

221

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -3.7%

YoY: ▲64.0| 41.1%

LN sau thuế

Q1/24

7.22

tỷ VNĐ

QoQ: ▼84.5| -92.1%

YoY: ▲45.8| 119%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

6.3%

+/- YoY: ▼8.8%

DT thuần

2023

936

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,231| -70.4%

LN sau thuế

2023

28.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼332| -92.0%

ROE

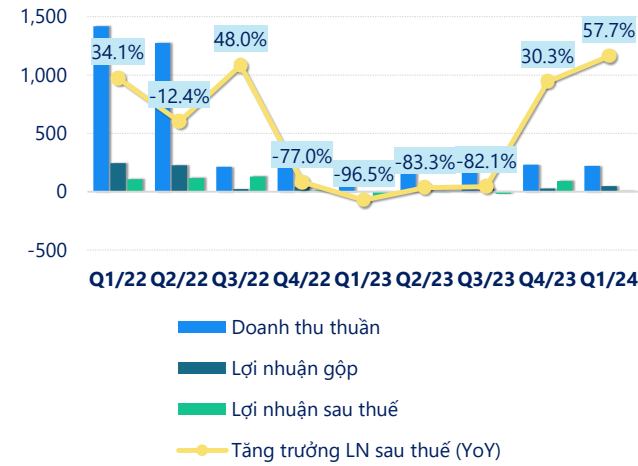
2023

1.1%

+/- YoY: ▼16.4%

tỷ VNĐ

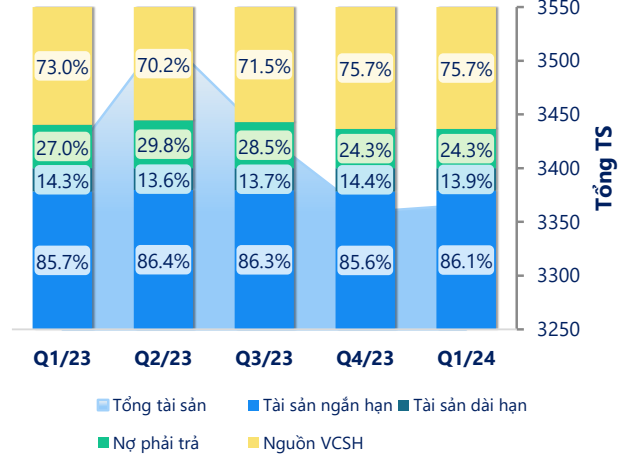
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

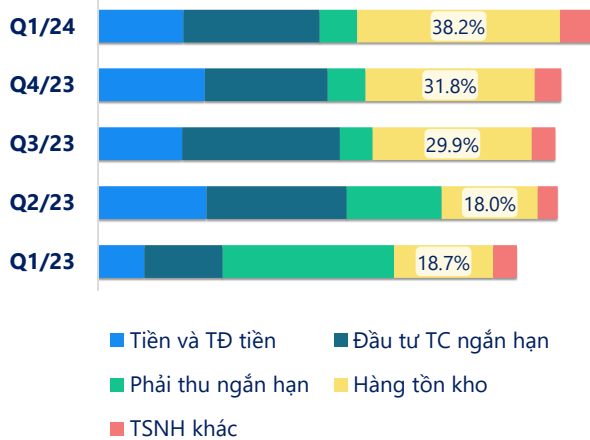
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



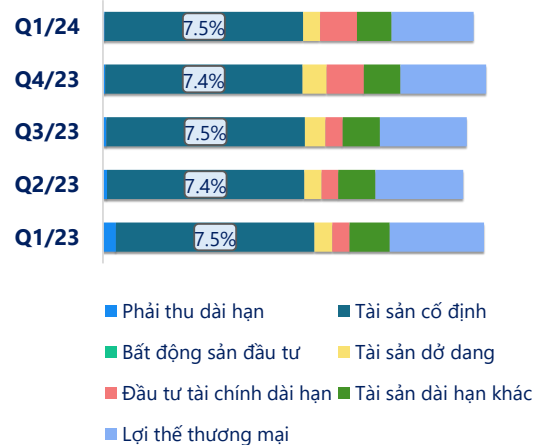
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

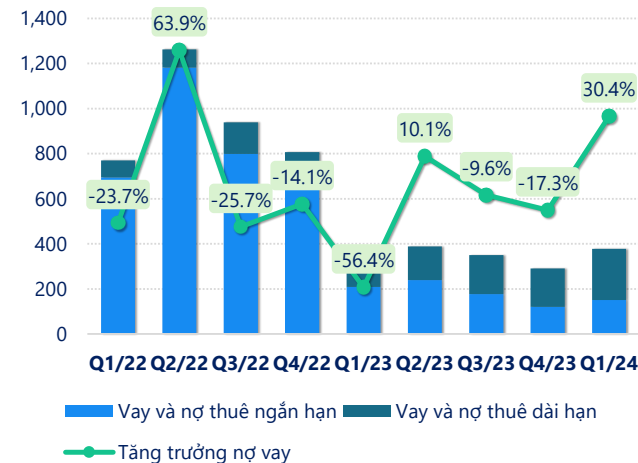
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

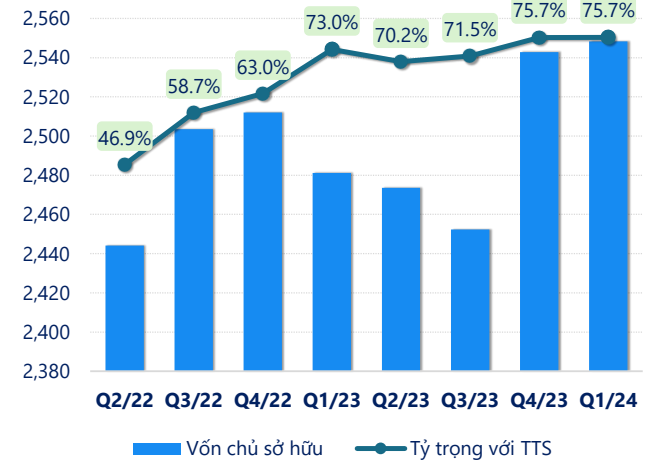
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

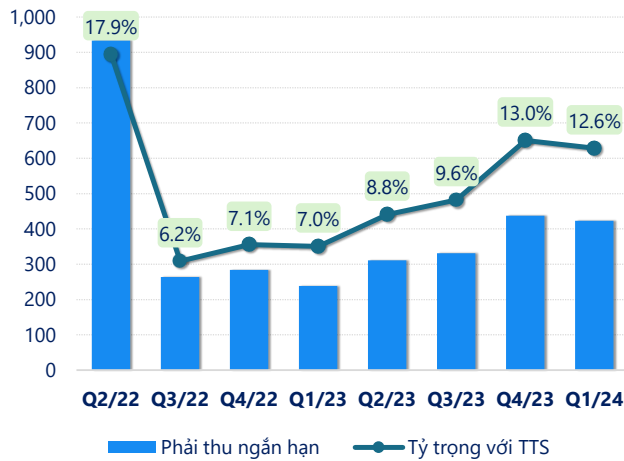
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



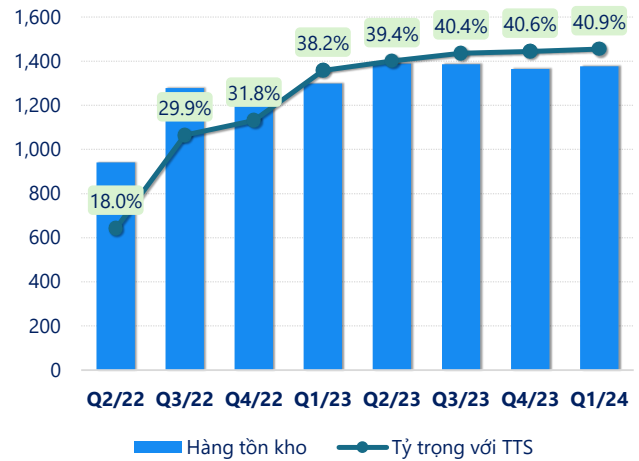
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


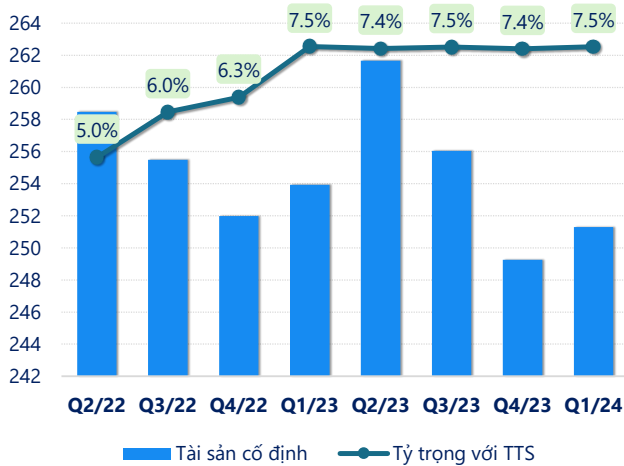
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


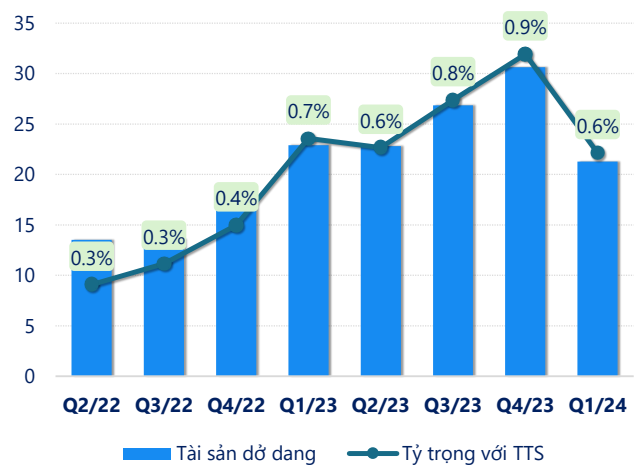
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

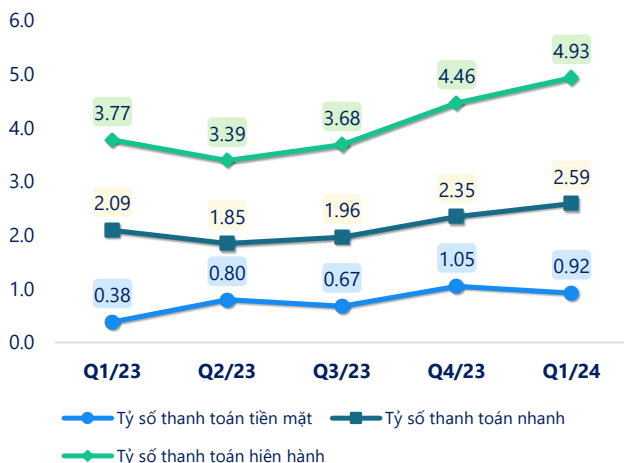
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

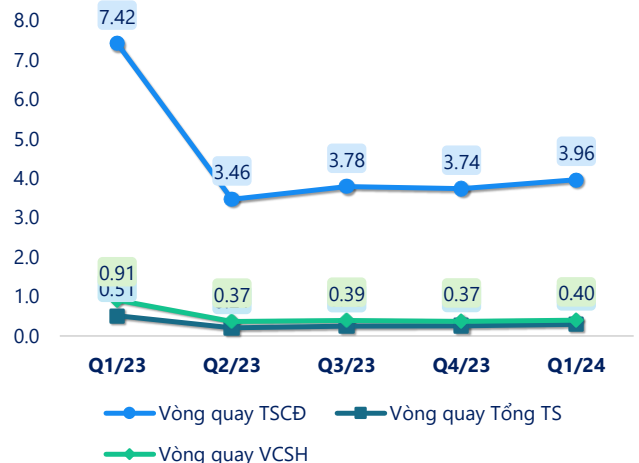
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	3,399	3,524	3,432	3,359	3,366
Tài sản ngắn hạn	2,912	3,046	2,962	2,875	2,896
Tiền và tương đương tiền	295	718	542	675	539
Đầu tư tài chính ngắn hạn	873	413	478	222	385
Phải thu ngắn hạn	238	311	331	437	423
Hàng tồn kho	1,298	1,388	1,386	1,364	1,377
Tài sản ngắn hạn khác	207	217	225	177	172
Tài sản dài hạn	487	478	470	484	469
Phải thu dài hạn	16.5	5.18	4.41	2.73	2.11
Tài sản cố định	254	262	256	249	251
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	22.9	22.8	26.8	30.6	21.3
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	22.0	22.0	46.9	46.9
Tài sản dài hạn khác	51.5	49.7	48.2	46.3	43.7
Lợi thế thương mại	120	116	112	108	104
Nợ phải trả	918	1,050	979	816	818
Nợ ngắn hạn	772	898	804	644	587
Vay và nợ thuê ngắn hạn	208	238	177	120	150
Phải trả người bán ngắn hạn	439	521	473	373	313
Nợ dài hạn	146	152	175	172	231
Vay và nợ thuê dài hạn	144	149	173	170	228
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,481	2,474	2,452	2,543	2,548
Vốn chủ sở hữu	2,481	2,474	2,452	2,543	2,548
Vốn điều lệ	700	700	700	700	700
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)